Xu thế sáng tác hướng tâm và ly tâm trong thơ Nguyễn Công Trứ

Nguyễn Hữu Sơn[1]

[1] Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: lavson59@yahoo.com

Nhận ngày 8 tháng 9 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 10 năm 2018.

Tóm tắt: Trong bối cảnh lịch sử, văn hóa, văn học dân tộc thế kỷ XIX, xu thế sáng tác "hướng tâm" và "ly tâm" trong tiếng thơ Nguyễn Công Trứ thể hiện sắc nét qua hệ thống quan điểm chính trị, xã hội và hệ thống thẩm mỹ, chủ đề, chủ điểm. Xu thế sáng tác "hướng tâm" và "ly tâm" thể hiện con người cá nhân Nguyễn Công Trứ. Tiếng thơ bộc lộ tính cách con người Nguyễn Công Trứ. Ông sánh mình với đất rộng sông dài, trở về khép mình trên chiếc nôi quê hương. Vượt qua mọi hệ lụy đời thường, Nguyễn Công Trứ đã góp thêm tiếng nói khẳng định bản ngã con người cá nhân, khẳng định chí hướng lập thân, dấn thân nhập cuộc. Ông là kiểu nhà nho tài tử.

Từ khóa: Nguyễn Công Trứ, hướng tâm, ly tâm, tiếng thơ, xu thế.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: In the context of Vietnam's history, culture and literature in the 19th century, the tendencies to write in the *hướng tâm* manner, or being conventional, traditional, orthodox in regard of the contemporary situation, and the manner of being *ly tâm*, which is opposite to that, in Nguyen Cong Tru's poetry is reflected clearly through his systems of political and social views, and of aesthetics and themes. The tendencies express the individual-person of Nguyen Cong Tru. His poetry expresses his personality. He compared himself to the vast land and long rivers, returning to the cradle of his homeland. Overcoming all the vicissitudes of everyday life, Nguyen Cong Tru contributed to the voice asserting the self of man as an individual, and asserting the will to be engaged in life. He is the kind of amateur Confucian.

Keywords: Nguyen Cong Tru, *hướng tâm*, *ly tâm*, poetry, tendencies.

Subject classification: Literature

1. Mở đầu

Khác với phần đông các danh nhân dưới thời phong kiến, Nguyễn Công Trứ (1778-1859) là người thành danh khá muộn. Vốn là người thông minh, hiếu học, song sau nhiều lần thi trượt, phải đến năm Kỷ Mão (1819), khi đã ngoài bốn mươi tuổi, lứa tuổi "tứ thập nhi bất hoặc" với từng trải trường đời và định hình chí hướng, ông mới thi đậu Giải nguyên và được bổ đi làm quan. Điều đó cũng có nghĩa rằng, qua suốt bốn chục năm sống ở quê nhà, ông đã nghiệm sinh sâu sắc đời sống thôn dã, hấp thụ đầy đủ truyền thống văn hoá, bản chất và cốt cách người dân đất cổ Giang Đình. Trong cuộc đời, ông quả là con người lắm tài mà cũng nhiều tật. Cái tài của ông bộc lộ ở chỗ, ông được thăng thưởng, trọng dùng, từng trị nhậm khắp vùng Hải Dương - Quảng Yên, Sơn - Hưng - Tuyên, Thừa Thiên, Quảng Ngãi, cho đến xứ An Giang - Hà Tiên, từng góp công khai khẩn đất hoang hoá ở các vùng Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Yên...; hoặc được làm việc ở Quốc sử quán và chủ khảo trường thi; có khi được làm việc ở Bộ Binh, Bộ Hình và trực tiếp tham gia chiến trận. Còn cái "tật" thực chất chính là tài năng, bản lĩnh và cốt cách con người ông có nhiều mặt không chịu dung hoà với qui phạm lễ giáo phong kiến, thường xuyên tiềm tàng vượt lên "vòng cương toả", "vòng danh lợi"... Cái "tật" thể hiện ở chỗ, ông từng được thăng thưởng đến chức Tổng đốc, Tham tri; rồi có lúc lại bị "trảm giam hậu" và bị cách chức, bắt làm lính thú lên trấn ở biên thùy Quảng Ngãi. Qua hai mươi tám năm làm quan, việc bị giáng chức và cách chức tới năm lần đủ thấy bản lĩnh con người cá nhân Nguyễn Công Trứ cao cường đến như thế nào! Ở đây có thể nhận thấy sự tương hợp của hiện tượng sáng tác "hướng tâm" và "ly tâm" trong đời và thơ Nguyễn Công Trứ. Bài viết này phân tích xu thế sáng tác "hướng tâm" và "ly tâm" trong thơ Nguyễn Công Trứ.

2. Xu thế sáng tác hướng tâm

Xu thế sáng tác "hướng tâm" trong thơ Nguyễn Công Trứ thể hiện sắc nét qua hệ thống quan điểm chính trị, xã hội và hệ thống thẩm mỹ, chủ đề, chủ điểm.

Nguyễn Công Trứ là người đam mê nhập cuộc, sống hết mình với phận vị, công việc. Ông nhiệt thành dấn thân bằng hành động, bằng kinh nghiệm trường đời, và bằng kết quả cụ thể, chứ không phải bằng sự thuyết lý tư tưởng và lời tụng ca vương triều chung chung. Thậm chí có thể nói, ông đã tạo lập những cách hình dung mới về "chí nam nhi" (những con người của thời đại biết tự tin đánh cược sự nghiệp vào chính tài năng của bản thân mình). Đặt trong chiều hướng phát triển chung của trào lưu nhân đạo đương thời, ta càng thấy rõ rằng, Nguyễn Công Trứ không chịu sống khép mình trong qui phạm nghĩa vụ, chức năng, phận vị mà đã vươn tới ý thức sâu sắc về cá nhân, về quyền được bày tỏ chí hướng và ca vui giữa cuộc đời trần thế. Tất cả những điều đó tạo nên hình ảnh một Nguyễn Công Trứ ngất ngưởng, thị tài và đa tình, vừa sắc nét vừa đa diện. Về điều này, Biện Minh Điền nhận xét: "Thơ văn Nguyễn Công Trứ bao hàm một nội dung khá phức tạp, kết tinh một trạng thái ý thức của thời đại vừa ca tụng lối sống hưởng lạc, cầu nhàn; vừa ca tụng Nho giáo lại vừa ca tụng Đạo giáo;

vừa lạc quan tin tưởng lại vừa bi quan thất vọng; vừa tự khẳng định mình lại vừa phủ định mình, v.v.. Nguyễn Công Trứ là một khối mâu thuẫn lớn" [4, tr.497].

Sinh ra và lớn lên ở một vùng quê có nhiều danh nhân và nhân cách văn hoá mẫu mực, Nguyễn Công Trứ sớm tạo cho mình một thế đứng, một thái độ sống và cách thức nhìn đời đầy tự tin. Sau khi Nguyễn Công Trứ qua đời tròn 70 năm và cách nay tròn 90 năm, Lê Thước từng nhận định: "Cụ Nguyễn Công Trứ là bậc anh hùng hào kiệt, lập phẩm rất cao, giữ lòng rất chính, ra ở đời, những muốn lập nên công cao nghiệp lớn, để cứu giúp đời cho nên đã mấy lần dâng sớ, bày tỏ những kế hoạch rất có bổ ích, như trừ giặc cướp, trừ lại lệ, trị hào cường, khẩn đất hoang, lập xã thương, lập hương học, v.v.. thật rõ là một nhà chính trị, có tài kiến thiết, có chí kinh luân. Tiếc thay sinh phải cái thời đại bế tắc, ở vào cái hoàn cảnh hẹp hòi, trên vua thì nghi kỵ, dưới các quan thì phần nhiều là bọn dung tục, chẳng có tư tưởng gì cao thượng, kiến thức gì sâu xa, đã không tán thành cho cụ, lại đem lòng ghen ghét, kiếm cách mà bắt bẻ gièm pha, để làm trở ngại công việc cụ. Không những thế mà thôi, còn nhiều kẻ lại lập mưu để ám hại cụ: đã ba bốn lần, chúng nó vu cho cụ những việc hối lộ, nhưng lần nào cụ cũng được cứu xuất vô can. Than ôi! Con hạc đứng trong bầy gà, cái trí chúng nó thấp, nên cái bụng chúng nó hẹp hòi, một người hào hiệp như cụ Nguyễn Công Trứ, chí muốn làm nên những việc kinh thiên động địa, há lại còn như tụi tham quan kia" [9]. Với Nguyễn Công Trứ, cái danh gắn liền với "công cao nghiệp lớn", không phải là thứ để trang trí . Ông không quá bận tâm về chuyện danh phận, danh lợi, và cũng không cần cân đo, biện thuyết nhiều về sự "chính danh", "danh chính ngôn thuận". Bởi lẽ, nếu biết cân nhắc, tính toán lợi hại theo lẽ phải thông thường, thì ông đã không đi chệch quĩ đạo quan phương, không bị giáng chức, trách cứ, dồn đẩy nhiều đến thế. Với ông, chữ "danh" thực chất là thước đo tài năng và chí hướng hành động, khả năng dấn thân, nhập cuộc; và đó mới là điều quan trọng nhất. Nhưng muốn có danh, muốn nhập cuộc thì trước hết phải có tài. Mà Nguyễn Công Trứ thì thừa tài! Người có tài thì có chí hướng, chí nguyện. Ngay từ khi còn chưa đỗ đạt, Nguyễn Công Trứ đã tỏ rõ chí hướng. Ông viết: "Đi không há lẽ trở về không/Cái nợ cầm thư phải trả xong/Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt/Dở đem thân thế hẹn tang bồng/Đã mang tiếng ở trong trời đất/Phải có danh gì với núi sông/Trong cuộc trần ai, ai dễ biết/Rồi ra mới biết mặt anh hung" *(Tự vịnh đi thi)* [10].

Trên căn bản một chí nguyện lập thân như thế, Nguyễn Công Trứ hướng tâm đến sự nghiệp phò vua giúp nước, kinh bang tế thế. Tuy nhiên, trước sau ông chỉ nhắc đến vua như một đấng bậc cao cao tại thượng; chứ không diễn giải, không tụng ca, tung hô và thường được chiếu ứng trong sự trổ tài, thi thố tài năng của cá nhân mình. Ông viết: "Thượng vị đức hạ vị dân/Sắp hai chữ "quân thân" mà gánh vác/Có trung hiếu nên đứng trong trời đất/Không công danh thời nát với cỏ cây" *(Gánh trung hiếu),* "Tang bồng hồ thỉ nam nhi trái/Cái công danh là cái nợ nần/Nặng nề thay đôi chữ "quân thân"/Đạo vi tử, vi thần đâu có nhẹ/Cũng rắp điền viên vui thú vị/Trót đem thân thế hẹn tang bồng" *(Trên vì nước dưới vì nhà).*

Duy nhất có lần Nguyễn Công Trứ nhắc đến "nghĩa vua tôi", nhưng là để che đậy,

dung hòa phải phép, chiếu lệ, chữa cháy cho sự bốc đồng, quá khích đến ngang tàng, bất cần. Ông viết: "Chẳng Hàn, Nhạc cũng phường Mai Phúc/Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung/Đời ai ngất ngưởng như ông *(Ngất ngưởng)*.

Duy nhất có lần Nguyễn Công Trứ nói đến "ơn mưa móc", nhưng liền đó ông qui về cơ hội cho cá nhân mình như: "Đã từng tắm gội ơn mưa móc/Cũng phải xênh xang hội gió mây" *(Hội gió mây)*.

Lại duy nhất có lần ông nói đến "ơn vua", nhưng lại nói chệch sang nhà chúa trong câu thơ mở đề bài thơ thất ngôn. Tuy nhiên, xét toàn bài thì lại là sự đề vịnh, tôn vinh phẩm chất cây cau như một biểu tượng kẻ sĩ. Ông viết: "Ơn chúa vun trồng kể xiết bao/Một ngày càng một rấn lên cao/Lưng đeo đai bạc sương nào nhuốm/Đầu đội tàn xanh nắng chẳng vào/Buồng chất cháu con khôn xiết kể/Nhà nhiều quan khách dễ khuyên chào/Kình thiên một cột giơ tay chống/Dẫu gió lung lay cũng chẳng nao" *(Cây cau)*.

Trong tâm thức sáng tác "hướng tâm", rõ ràng Nguyễn Công Trứ không nhằm bộc bạch tâm sự của một kẻ tôi trung, không có loại thơ kỷ sự (với thời gian, địa điểm, sự kiện cụ thể); không trực diện tụng ca thánh đế; không đề vịnh vua sáng tôi hiền gắn với một thời thịnh trị, mà chỉ nhắc nhớ đến vua chúa như một thế lực chung chung. Về cơ bản, tinh thần hướng tâm của ông đặt cược vào sự khẳng định con người cá nhân kẻ sĩ nhà nho hữu danh, tài danh với những phẩm chất lệch pha và cực tả so với truyền thống. *Hội gió mây, Trần ai ai dễ biết ai, Trên vì nước dưới vì nhà, Chí khí anh hùng, Chí nam nhi, Gánh trung hiếu, Nợ tang bồng, Luận kẻ sĩ* là những tác phẩm thể hiện sự "hướng tâm". Các tác phẩm đó đều nhấn mạnh tài năng, phẩm chất và vị thế kẻ sĩ tài năng, siêu việt, vượt xa kiểu nhà nho hành đạo qui phạm, khuôn thước, chuẩn mực, chính thống [6].

3. Xu thế sáng tác ly tâm

Nguyễn Công Trứ tuy tôn phù Nho giáo chính thống, song trước sau mà vẫn không vượt quá lằn ranh phủ nhận, chống đối vương triều, thể chế. Từ đây, có thể nhận ra xu thế sáng tác "ly tâm" nhìn từ sự thể hiện con người cá nhân Nguyễn Công Trứ (với các mức độ khẳng định bản ngã con người cá nhân, khẳng định chí hướng lập thân, dấn thân nhập cuộc). Ví dụ, ông viết: "Cũng phải xênh xang hội gió mây", "Nếu không chơi thiệt ấy ai bù".

Khi xác định tiếng thơ "ly tâm" của Nguyễn Công Trứ vừa "dịu dàng, trang nhã", vừa "ủy mị, yếm thế", "từ điệu nhẹ nhàng", Nguyễn Duy Diễn xác định: "Thi ca Nguyễn Công Trứ như đã trình bày trên, có hai màu sắc tương phản rõ rệt: đó chính là điểm hào hùng, tranh đấu, và điểm tài hoa, phóng dật. Chính do ở điểm tài hoa, phóng dật này mà ông đã tạo được những câu thơ có một vẻ đẹp trác tuyệt, kỳ thú, làm say mê chúng ta không kém, hay có khi hơn cả những câu thơ hào hùng, mạnh mẽ của ông nữa. Nếu phê bình Nguyễn Công Trứ mà chỉ nói tới cái "ý tưởng mạnh mẽ, từ điệu rắn rỏi" thì e có sự hẹp hòi, và đồng thời hạ thấp và thu hẹp giá trị thi ca của ông lại vậy" [1].

Khác với nhiều nho sĩ trước đây và sau này, trong chiều hướng "ly tâm", Nguyễn Công Trứ hầu như không một lần nào phản tư, phản tỉnh, công kích, châm biếm và phê

phán nhà vua cũng như triều đình. Chẳng hạn, Nguyễn Gia Thiều (1741-1798) trong *Cung oán ngâm khúc* đã chỉ rõ nhân vật nhà vua như sau: "Mày ngài lẫn mặt rồng lồ lộ", "Trên chín bệ mặt trời gang tấc", "Đuốc vương giả chí công là thế", "Chẳng soi cho đến khóe âm nhai", "Trên chín bệ có hay chăng nhẽ", "Khách quần thoa mà để lạnh lùng". Hồ Xuân Hương (1772-?) không ngợi ca vua sáng tôi hiền, không coi anh hùng, vua, chúa là người phi thường ("Chúa dấu vua yêu một cái này"); không coi họ là người không thể không bị khuất phục trước hình ảnh khiêm nhường của cô thiếu nữ ngủ ngày ("Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt/Đi thì cũng dở ở không xong"). Thậm chí còn coi họ là người phải và chịu ơn mưa móc nữa ("Mát mặt anh hùng khi tắt gió/Che đầu quân tử lúc sa mưa"). Chung quy đó là cách hình dung thế giới theo lối Hồ Xuân Hương, biểu hiện một cách nhìn nhất quán, cái nhìn thông tục, cái nhìn biến dạng. Điều đó khiến cho toàn bộ đối tượng phải bộc lộ bản chất theo đúng chiều hướng quan niệm nghệ thuật của nhà thơ [5]. Còn với Cao Bá Quát (1808-1854) thì thật táo bạo. Ông dám ngụ ý phê phán, chỉ rõ kẻ quyền thế phải chịu trách nhiệm về cảnh trăm dân khổ cực, từ đó bộc lộ nỗi bức xúc và nguyện ý đang ngày càng hiện hình sắc nét hơn. Ông viết: "Xích nhật hành hà đạo/Thương sinh thân kỳ hồi" *(Đối vũ),* "Mặt trời đã lẩn đi đằng nào/Để dân đen than thở mãi" *(Nhìn mưa).* Có thể thấy, Cao Bá Quát luôn luôn ta thán, luôn bày tỏ sự bất bình của mình với cả trời đất, mây gió, sông núi, cỏ cây. Trong một ý nghĩa nào đó, xét đến cùng, cuộc khởi loạn "châu chấu" Sơn Tây (1853) như một cách trả lời, một lần trả lời, một câu trả lời tận độ để ông vĩnh viễn không còn phải băn khoăn vương vấn nữa [7].

Nguyễn Công Trứ nhiều lần tỏ thái độ phê phán nhà vua và vương triều. Tuy nhiên, ông thường qui nguyên nhân của hiện tượng tiêu cực cho tạo hóa, cơ tạo, vận số, thời cuộc. Những nguyên do có phần "bất khả tri" kiểu này được Nguyễn Công Trứ viện dẫn vừa để giải tỏa, bao biện cho những hy vọng chưa thành, vừa để an ủi, động viên cho những ước nguyện còn ở phía trước. Ông viết: "Đi lại chẳng qua thời với mệnh/Cũng đừng thức mắc, chớ lo lường", *(Khuyên người đời)*, "Thôi hẵng đợi trời bình trị đã/Gặp thời vỗ cánh sẽ ra danh" *(Vinh nhục)*. "Cùng đạt có riêng chi mệnh số/Hành tàng nào hẹn với văn chương/Đường công danh sau trước cũng là thường/Con tạo hóa sao dường ghen ghét mãi" *(Có chí thì nên).*

Ngay từ khi còn khuất thân "bạch diện thư sinh", Nguyễn Công Trứ đã tự tin, vượt lên hoàn cảnh, vượt lên cảnh ngộ đời thường, và trở thành nhà thơ số một vinh danh phận nghèo, cảnh nghèo, nhà nghèo, tết nghèo. Nếu như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm thường gắn cái nghèo với đạo lý, phẩm chất thanh sạch, lối sống thanh cao; Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương thường chịu trận trong cái nghèo, hoà nhập với cái nghèo, bỡn cợt "vị nghệ thuật" với cái nghèo, thì Nguyễn Công Trứ lại nhấn mạnh cái nghèo của nhà nho, cái nghèo có chí hướng. Ông viết: "Cơ tạo có đi thời có lại/Vạch vôi lấy đó mãi ru mà" *(Thế tình đối với cảnh nghèo)*. Ông nhấn mạnh tâm thức mở đường, "vượt thoát" cái nghèo với loạt bài *Vịnh cảnh nghèo, Than cảnh nghèo, Phận anh nghèo, Vui cảnh nghèo, Tự thuật,*

Thế tình đối với cảnh nghèo, Quân tử cố cùng, Đồng tiền không quý… Ông tếu táo, trổ tài phê phán cái nghèo liên quan đến thua bạc, nợ tổ tôm. Trong xu thế "ly tâm", Nguyễn Công Trứ đặc biệt nhạy cảm với cái nợ, gánh nợ và tạo nên diễn ngôn riêng biệt, đặc sắc. Ông không bận tâm nhiều về sự nợ trong cái nghèo, mà đau đáu cảm nhận gánh nợ danh phận, nợ công danh, nợ chí hướng và nợ cả chí tang bồng, nợ phong lưu, nợ tình, nợ tài, nợ thời gian…

Với Nguyễn Công Trứ, cái nợ trước hết là cái nợ công danh, nợ chí nam nhi, chí làm trai. Ông viết: "Tài bộ thế mà công danh thế/Nợ làm giai quyết sẽ giả xong" *(Trần ai ai dễ biết ai)*, "Tang bồng hồ thỉ nam nhi trái/Cái công danh là cái nợ nần" *(Trên vì nước dưới vì nhà).*

Nguyễn Công Trứ nhấn mạnh "tang bồng" gắn với "hành lạc", ưu tiên cho "hành lạc", lấy hành lạc làm một thước đo quan trọng cho chí "tang bồng", gánh "nợ tang bồng". Ông viết: "Nợ tang bồng hẹn khách thiếu niên/Cuộc hành lạc vẫy vùng cho phỉ chí/Xe Thang, Văn nhất đán tao phùng/Bao nhiêu nợ tang bồng đem giả hết"*(Cầm kỳ thi tửu).*

Nguyễn Công Trứ xác định gánh nợ công danh mang chí bốn phương, đặt ra mục tiêu, mục đích vẫy vùng giữa nhân gian. Ông viết: "Đã hay đường cái thời ra thế/Sạch nợ tang bồng mới kể người" *(Tình cảnh làm quan)*, "Đố kỵ sá chi con tạo/Nợ tang bồng quyết giả cho xong" *(Chí nam nhi)*, "Hỏi thư kiếm có hay chăng nhẽ/Nợ tang bồng giả đặng lúc này chăng/Ra tay chữa lệch cho bằng" *(Đi quân thứ).*

Ông tính sổ kết toán cho chí nam nhi, nợ tang bồng, đường hoạn lộ và thỏa nguyện với chính mình. Ông viết: "Nợ sách đèn đem nghiên bút giả xong/Cầu xe ngựa lúc đi về mới tỏ"*(Nợ tang bồng)*, "Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc/Nợ tang bồng vay giả giả vay/Đường mây rộng thênh thênh cử bộ/Nợ tang bồng trang trắng, vỗ tay reo" *(Chí khí anh hùng).*

Thế nhưng, Nguyễn Công Trứ lại phân biệt ra gánh nợ công danh cùng nợ phong lưu với tất cả những biến thể gắn với "duyên tri ngộ", "phong tình". Ông viết: "Nợ phong lưu ai nỡ chối không/Duyên tri ngộ nên đeo đẳng mãi" *(Tài tình)*, "Thời nhân bất thức dư tâm lạc/ Mượn phong tình mà giả nợ phong lưu" *(Nhàn nhân với quý nhân).*

Ông tiếp tục tính sổ giả - vay; và lại thấy rằng mình đã thấu hiểu qui luật, đã dám dấn thân nhập cuộc, đã lãi lớn trong cuộc chơi trên cõi nhân gian. Ông viết: "Nợ phong lưu dan díu mấy mươi lần/Thú thi tửu lại chen chân gánh vác" *(Chơi xuân kẻo hết xuân đi - II)*, "Cõi trần thế nhân sinh là khách cả/Nợ phong lưu kẻ giả có người vay" *(Nợ phong lưu - Cõi trần thế),* "Nợ phong lưu tính đã lãi rồi/Ngàn vàng chác lấy trận cười" *(Nợ phong lưu - Nhân sinh thất thập).*

Trong gánh nợ phong lưu, Nguyễn Công Trứ đặt cược vào gánh nợ tình, chấp nhận sự trả giá, thua thiệt, rủi may, đan kết hạnh ngộ và đắng cay, có say và có tỉnh, có được và có mất, có duyên và có nợ. Ông viết: "Nợ nhà tình vay một trả mười/Duyên hội ngộ cũng lừa ba lọc bảy" *(Trong trần mấy mặt làng chơi)*, "Đa tình là nợ/Mắc míu vào đố gỡ cho ra" *(Chữ tình)*, "Trong trần thế duyên duyên nợ nợ/Duyên cũng đành mà nợ cũng đành" *(Tuổi già cưới hầu).*

Nguyễn Công Trứ ý thức trên tất cả là gánh nợ làm người, gánh nợ sống giữa cõi đời, trong thời gian trăm năm hư ảo. Ông viết: "Người thế, giả nợ đời là thế/Của đồng

lần thiên hạ tiêu chung" *(Gánh trung hiếu)*, "Đã sinh ra ở trong phù thế/Nợ trần ai quyết sẽ tính xong" *(Có chí thì nên)*.

Vậy là, trong chiều hướng "ly tâm", dù đặt cược vào lý tưởng lập thân, gánh nợ chí nam nhi "tang bồng hồ thỉ" hay phong lưu, thì trước sau Nguyễn Công Trứ vẫn giữ phận vị trong vòng cương tỏa, trong qui phạm bậc quân tử tài bộ. Ông viết: "Ông Hy Văn tài bộ đã vào lồng" *(Ngất ngưởng)*.

Tương đồng với nhiều nhà nho khác, Nguyễn Công Trứ cũng có nhiều bài thơ phê phán gay gắt, trực diện tỏ bày thái độ với cách gọi miệt thị những "thằng có của", "đứa không nhà"; trực diện chỉ trích luôn cả "thói đảo điên khủng khỉnh"; thậm chí còn đưa vào thơ ngay cả tiếng mắng đổng đầu đường "Đù mẹ nhân tình". Nhưng chủ yếu ông vẫn dừng lại ở việc phê phán nhân tình thế thái, hành vi đạo lý, nếp sống, quan hệ dân sự thường ngày. Đi xa hơn, Nguyễn Công Trứ bày tỏ sâu sắc mối quan hệ hành - tàng và điều này tiếp tục là một minh chứng cho tâm thế sáng tác "ly tâm". Ban đầu, ông tự ý thức, tự phản tỉnh về chữ danh. Ông viết: "Lại mang lấy lợi danh vinh nhục/Cuộc đời kia lắm lúc bi hoan" *(Chơi xuân kẻo hết xuân đi - I)*.

Rồi ông cân đong, đo đếm và ngộ ra rằng, cái "nhàn" có khi còn hơn cái "danh", thậm chí thấy ghê sợ mà chối bỏ cái "danh", tìm đến cái "nhàn". Ông viết: "Thái bình vũ trụ càng thong thả/Chẳng lợi danh chi lại hóa hay" *(Thú ruộng vườn)*, "Chẳng lợi danh chi lại hóa hay/Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy" *(Thú ẩn dật)*, "Đem thân thế nương miền toàn thạch/Trốn đường danh mua lấy cuộc nhàn"*(Con tạo ghét ghen)*.

Thì hóa ra "danh" cũng phải mua, mà "nhàn" cũng phải mua; có lúc mua "danh"; có lúc mua "nhàn"; có lúc đổi nhàn lấy "danh"; có lúc đổi "danh" lấy "nhàn". Ông viết: "Chen chúc lợi danh đà chán ngắt/Cúc tùng phong nguyệt mới vui sao/Đám phồn hoa trót bước chân vào/Sực nghĩ lại giật mình bao kể xiết" *(Thoát vòng danh lợi)*, "Khi lang miếu đã đành công danh ấy/Lúc yên hà khước thị xuất nhân gian/Hành tàng bất nhị kỳ quan/Cõi đời mở mặt giang sơn thái hoà"*(Hành tàng)*.

Nguyễn Công Trứ ngộ ra rằng, cái "danh" kia chỉ là lâm thời, tạm thời, nhất thời, chỉ có ý nghĩa khi đang hành đạo; còn cái "nhàn" mới vững bền mãi mãi. Cái "danh" gắn với đám người thế gian, thế tình, với cõi nhân vi, chốn thị thành xa mã. Trong khi đó cái "nhàn" lại tồn tại với tạo hóa, vũ trụ, đất trời, thế giới tự nhiên, thiên nhiên thanh sạch, phong hoa tuyết nguyệt, trăng trong gió mát, mây bay gió thổi, núi rộng sông dài muôn thuở. Qui chiếu mối quan hệ hành - tàng, danh - nhàn với những sắc thái khác, Biện Minh Điền nhấn mạnh: "Có thể nói, hơn ai hết, Nguyễn Công Trứ hành đạo thì hành đạo đến nơi đến chốn, nhưng mặt khác, hành lạc thì hành lạc cũng đến mức tối đa, nói ngôn chí, ngôn chí đến tận cùng, cổ vũ hành lạc thì cổ vũ đến mức tột đỉnh. Con người này không chấp nhận dạng lưng chừng, nửa vời, mà dám chấp nhận tất cả mọi đối cực ở phía đỉnh điểm của nó. Ngoài cá tính mạnh mẽ, ngang tàng của Nguyễn Công Trứ, còn có sự tham gia của nhiều yếu tố, trong đó có sự tham gia của yếu tố loại hình nhà nho ở trong ông" [2].

Sau khi đã hồi tỉnh về cái "danh", Nguyễn Công Trứ chuyển hóa chí nguyện hành đạo theo nhiều nẻo đường khác nhau. Trong hồi tỉnh đó có ám ảnh của đạo tu

tiên, muốn thoát ly cõi trần; có sự nhập cuộc hiện sinh với tất cả những sự bất cần, ngất ngưởng "thú ăn chơi", "xa mã thị thành", "bầu rượu túi thơ"; có ý muốn lui về nơi non xanh cảnh vắng ("giang sơn phong nguyệt", "Cầm hạc tiêu dao", "Mây về ngàn Hống"); thêm nữa, có những thú đàn địch, ca lâu, tổ tôm, rượu nồng và gái đẹp (với những *Tương tư, Trách tình nhân, Bỡn tình nhân, Bỡn cô đào già, Duyên gặp gỡ, Ca tự biệt, Một ngày là nghĩa, Lời thiếp tự tình*…). Trên tất cả, khi thoát vòng danh lợi, hầu như Nguyễn Công Trứ đã trở thành một ông ngất ngưởng siêu cá nhân cá thể, vừa là thế này vừa là thế kia, vừa không là thế này mà cũng chẳng là thế kia. Ông viết: "Đô môn giải tố chi niên/Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng/Kìa núi nọ phau phau mây trắng/Tay kiếm cung mà nên dáng từ bi/Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì/Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng/Được mất dương dương người tái thượng/Khen chê phơi phới ngọn đông phong/Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng/Không Phật, không tiên, không vướng tục"*(Ngất ngưởng)*.

Tuy nhiên, con người tung phá dọc ngang trời đất ấy trước sau cũng chỉ là tung phá với chính mình, tung phá đến hết mình. Điều đó nào đâu có hại đến ai, chưa động chạm đến đấng bậc bề trên. Vậy nên, con người ngất ngưởng siêu cá thể cá nhân Nguyễn Công Trứ lại đi đến mấy câu kết hướng tâm về những tấm gương danh thần, danh nho và dung hòa, giới hạn sự ngất ngưởng trong phép tắc qui phạm, phải đạo. Ông viết: "Chẳng Hàn, Nhạc cũng phường Mai Phúc/Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung/Đời ai ngất ngưởng như ông".

Có điều thật lạ, một nhà nho tài tử, phóng dật, ngang tàng, ngất ngưởng như Nguyễn Công Trứ lại có nhiều câu thơ nói về Phật giáo, nhiều ý thơ biểu lộ sâu sắc cảm quan Phật giáo; thậm chí có cả bài thơ *Vịnh Phật* thật sự sâu sắc. Về điều này, chúng tôi từng xác định: "Cuộc đời nhà Nho Nguyễn Công Trứ là cả một sự nối tiếp những tháng năm dấn thân, nhập cuộc không ngừng nghỉ. Tuy nhiên, trên từng chặng đường đời và đến cuối cuộc đời, ông vẫn phải nhìn lại, tính đếm lại, tổng kết lại tháng năm quá khứ. Chính những thời khắc đó đã cho phép ông có được cách đánh giá, hình dung về cõi đời và kiếp người thông kênh với quan niệm Phật giáo. Nguyễn Công Trứ căn bản là nhà Nho hành đạo nhưng hiện tượng "dĩ Nho nhập Thích" ở ông càng soi sáng thêm giá trị nhân văn và chiều sâu minh triết Phật giáo, khả năng hòa giải, dung nạp của Phật giáo đối với các nguồn tư tưởng khác" [8].

4. Kết luận

Xu thế sáng tác "hướng tâm" và "ly tâm" tạo thành những đối cực trong tiếng thơ Nguyễn Công Trứ. Tuy nhiên, mọi sự "ly tâm" ở Nguyễn Công Trứ tuy tưởng đi đến tận cùng mọi gam độ con người cá nhân cá thể, nhưng thực chất lại là việc trổ ra những cánh cửa tự do khác nhau mà hầu như không đi ngược, không động chạm, phản bác, công kích, công phá vào thể chế Nho giáo chính thống. Vậy nên sự "ly tâm" ở đây là có điều kiện, có chiều hướng và giới hạn nhất định. Điều này chứng tỏ rằng, kiểu tác gia văn học, nhà nho hành đạo Nguyễn Công Trứ trong bối cảnh lịch sử, văn hóa, văn học dân tộc thế kỷ XIX có sự khác biệt

với những kiểu tác gia Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương...

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Duy Diễn (1953), *Luận đề về Nguyễn Công Trứ*, Nxb Thăng Long, Hà Nội.

[2] Biện Minh Điền (2009), "Sự thống nhất những đối cực trong phong cách nghệ thuật Nguyễn Công Trứ", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 3.

[3] Đoàn Tử Huyến (Chủ biên) (2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử,* Nxb Nghệ An, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông - Tây, Nghệ An.

[4] Nguyễn Lộc (1999), "Nguyễn Công Trứ", *Văn học Việt Nam (Nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX),* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5] Nguyễn Hữu Sơn (1991), "*Tâm lý sáng tạo trong thơ Hồ Xuân Hương",* Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2.

[6] Nguyễn Hữu Sơn (2000), "Nguyễn Công Trứ - Phải có danh gì với núi sông", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 10.

[7] Nguyễn Hữu Sơn (2005), "Cao Bá Quát và những suy tưởng trong thơ", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2.

[8] Nguyễn Hữu Sơn (2009), "Nhà nho Nguyễn Công Trứ với Phật giáo", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 3.

[9] Lê Thước (1928), *Sự nghiệp và thi văn của Uy Viễn Tướng công Nguyễn Công Trứ,* Lê Văn Tân Xb, Hà Nội.

[10] Nguyễn Công Trứ (2008), "Đi thi tự vịnh", *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Nxb Nghệ An, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông - Tây, Nghệ An.